

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 121/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2020

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY– TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Chiếu;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Khắc Huy– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Thị Tuyết N, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 124/83/20 X, phường 21, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Võ Lê P, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N có mặt; anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết N trình bày: Chị và anh P sống chung vào năm 2002, được sự tự nguyện, do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P thường hay uống rượu, không chăm lo cho gia đình. Anh chị đã ly thân từ tháng 03/2012 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được, anh P vẫn không thay đổi để

chăm lo cho gia đình và các con. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh P nên anh yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 03 con chung là cháu Võ Quỳnh N, sinh ngày 05/3/2004; cháu Võ Vĩnh K, sinh ngày 22/4/2007 và cháu Võ Ngân Kh, sinh ngày 20/7/2009, chị đồng ý cho anh P tiếp tục nuôi 03 con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Võ Lê P vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng anh P trình bày: Anh và chị N sống chung vào năm 2002, được sự tự nguyện, do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh cho rằng là mâu thuẫn bình thường của vợ chồng, anh thừa nhận có uống rượu nhưng chỉ uống rượu với ba ruột, anh có chăm lo cho gia đình chứ không phải như chị N trình bày. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị N vì anh muốn hàn gắn, mâu thuẫn giữa vợ chồng có thể giải quyết và tiếp tục chung sống được.

Về con chung: Có 03 con chung là Võ Quỳnh N, sinh ngày 05/3/2004; cháu Võ Vĩnh K, sinh ngày 22/4/2007 và cháu Võ Ngân Kh, sinh ngày 20/7/2009, nếu phải ly hôn anh đồng ý tiếp tục nuôi 03 con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày của mình, anh P vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh P.

2. Về con chung: Anh Võ Lê P tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu là Võ Quỳnh N, sinh ngày 05/3/2004; cháu Võ Vĩnh K, sinh ngày 22/4/2007 và cháu Võ Ngân Kh, sinh ngày 20/7/2009. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ các bên đang tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*” cần được xem xét, giải quyết theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tuyết N và anh Võ Lê P sống chung vào năm 2002, được sự tự nguyện, do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, đến năm 2017, xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị đã ly thân từ tháng 03/2012 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin được ly hôn của chị N là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh, chị có 03 cháu là Võ Quỳnh N, sinh ngày 05/3/2004; cháu Võ Vĩnh K, sinh ngày 22/4/2007 và cháu Võ Ngân Kh, sinh ngày 20/7/2009, tại Tòa chị N đồng ý giao 03 con chung cho anh Võ Lê P tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp vì hiện tại 03 cháu đang sống chung với anh P và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Như, cháu K và Kh tại Tòa nên Hội đồng xét xử để anh P tiếp tục nuôi dưỡng cháu Như, cháu K và cháu Kh là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết, nếu sau này có tranh chấp Tòa án thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57; 58, 81 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tuyết N được ly hôn với anh Võ Lê P.
2. Về con chung: Anh Võ Lê P được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Quỳnh N, sinh ngày 05/3/2004; cháu Võ Vĩnh K, sinh ngày 22/4/2007 và cháu Võ Ngân Kh, sinh ngày 20/7/2009. Chị Đỗ Thị Tuyết N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai

số 0016118 ngày 29/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị N đã nộp xong.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Ủy ban nhân dân phường 21, quận B, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Thu Ngoan